

Số: 372/QĐ – MNTPT2

Cù Chi, ngày 12 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên theo quy định tại
Nghị quyết 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ
của Trường mầm non Tân Phú Trung 2

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 10686/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cù Chi về việc cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên theo quy định tại Nghị quyết 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ.

Xét đề nghị của Kế toán Trường mầm non Tân Phú Trung 2.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên dự toán ngân sách năm 2024 của Trường Mầm non Tân Phú Trung 2. (Đính kèm biểu số 2 của Thông tư 90/2019/TT-BTC)

Điều 2. Cán bộ, viên chức của Trường Mầm non Tân Phú Trung 2 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 (để thực hiện);
- Hiệu trưởng, các PHT;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Hồng

Cù chi, ngày 12 tháng 11 năm 2024

BIÊN BẢN HỌP

**Công khai và Niêm yết công khai cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên dự
toán thu - chi nguồn ngân sách nhà nước năm 2024**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 10686/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cù Chi về việc cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên theo quy định tại Nghị quyết 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ.

Hôm nay, vào lúc 08h30 ngày 12 tháng 11 năm 2024

Tại: Văn phòng Trường mầm non Tân Phú Trung 2

I. Thành phần tham dự:

1. Người thực hiện niêm yết:

- | | |
|----------------------------|--------------------|
| 1. Bà Lê Thị Lang | Hiệu trưởng |
| 2. Bà Ouly Thị Diễm Khanh | Phó hiệu trưởng |
| 3. Bà Phạm Thị Ánh Hồng | Phó hiệu trưởng |
| 4. Bà Nguyễn Thụy Mộng Thu | Chủ tịch công đoàn |
| 5. Bà Đặng Thị Kim Phụng | Tổ trưởng khối lá |
| 6. Bà Trần Thị Vẹn | Thư kí |

7. Bà Lê Thị Huỳnh Như

Kế toán

2. Người chứng kiến:

Ông/Bà: Đặng Thị Kim Phụng - Đ/d Ban Thanh tra nhân dân nhà trường

II. Nội dung:

Trường mầm non Tân Phú Trung 2 đã tiến hành niêm yết:

Căn cứ Quyết định số 19256/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi về việc giao dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2024 cho đơn vị Giáo dục – Đào tạo huyện

Căn cứ Quyết định số 372/QĐ-MNTPT2 ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Trường mầm non Tân Phú Trung 2 Về việc công bố công khai cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên dự toán ngân sách năm 2024 của Trường mầm non Tân Phú Trung 2;

Căn cứ vào tình hình thực tế tại Trường mầm non Tân Phú Trung 2;

Vào lúc 08h30 ngày 12 tháng 11 năm 2024 chúng tôi cùng tiến hành công tác niêm yết công bố công khai cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2024.

Số liệu công khai: Mẫu biểu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính.

Hình thức công khai:

1. Tại cuộc họp hội đồng sư phạm nhà trường;
2. Niêm yết tại bản tin của Trường mầm non Tân Phú Trung 2;
3. Niêm yết trên trang thông tin điện tử của trường-
<https://mntanphutrung2.hcm.edu.vn>

Thời gian niêm yết, kết thúc: Bắt đầu từ 08h30 ngày 12/11/2024 và sẽ kết thúc niêm yết vào ngày 11/12/2024 (trong vòng 30 ngày liên tục).

Mục đích của việc niêm yết công khai ở bảng công khai tài chính tại văn phòng nhà trường để thuận tiện cho tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên Trường mầm non Tân Phú Trung 2 trong việc theo dõi và giám sát.

Việc niêm yết này được thực hiện liên tục trong thời gian là 30 ngày liên tục.

Biên bản kết thúc vào lúc 09h30 cùng ngày, có đọc lại các thành viên nhất trí tán thành 100%, biên bản này được lập thành 01 bản có hiệu lực kể từ ngày ký./.

THƯ KÝ


Trần Thị Văn



ĐẠI DIỆN CÁC THÀNH PHẦN DỰ NIÊM YẾT

1. Bà Lê Thị Lang	Hiệu trưởng	
2. Bà Ouly Thị Diễm Khanh	Phó hiệu trưởng	
3. Bà Phạm Thị Ánh Hồng	Phó hiệu trưởng	
4. Bà Nguyễn Thụy Mộng Thu	Chủ tịch công đoàn	
5. Bà Đặng Thị Kim Phụng	Tổ trưởng khối lá	
6. Bà Trần Thị Vẹn	Thư kí	
7. Bà Lê Thị Huỳnh Như	Kế toán	
8. Bà Đặng Thị Kim Phụng	Người chứng kiến	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CÚ CHI**

Số: 10686/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cú Chi, ngày 29 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên theo quy định tại Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CÚ CHI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ về phạm vi, đối tượng tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024;

Căn cứ Công văn số 4978/UBND-KT ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tiếp tục triển khai các giải pháp thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 19209/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện về giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 đối với các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 2234/TTr-TCKH ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên theo quy định tại Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thực hiện cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên theo quy định tại Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ, cụ thể như sau:

- Kinh phí cắt giảm, tiết kiệm chi thường xuyên năm 2024 của các cơ quan, đơn vị: 10.316,3 triệu đồng theo Phụ lục I đính kèm.

- Kinh phí cắt giảm, tiết kiệm từ nguồn thu sự nghiệp, thu khác được để lại theo quy định năm 2024 của các cơ quan, đơn vị: 451 triệu đồng theo Phụ lục II đính kèm. Các cơ quan, đơn vị trích vào quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị để tăng đầu tư phát triển hoạt động sự nghiệp. Đến hết năm ngân sách,

trường hợp số thu có biến động so với dự toán giao đầu năm, thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm báo cáo cơ quan quản lý cấp trên quyết định điều chỉnh kinh phí cắt giảm, tiết kiệm theo quy định.

Điều 2. Căn cứ số kinh phí cắt giảm, tiết kiệm tại Điều 1 của Quyết định này các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện phối hợp với Kho bạc Nhà nước Củ Chi thực hiện hạch toán số kinh phí cắt giảm, tiết kiệm dự toán chi thường xuyên năm 2024 theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Củ Chi, Thủ trưởng các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- TT. UBND huyện;
- Các ban HĐND huyện;
- Lưu: VT, P.TCKH.2.NTTHUYEN.60.

CHỦ TỊCH



Phạm Thị Thanh Hiền

Phụ lục 1
KINH PHÍ CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM CHI THUỐC XUYÊN NĂM 2024 CỦA CÁC CỤ QUẬN, ĐƠN VỊ
(Kèm theo Quyết định số 4086/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cư Chu)

Đơn vị: Đồng

STT	Đơn vị	Tăng kinh phí tiết kiệm 5% chi thuường xuyên	Kinh phí tự chủ/Kinh phí thuốc xuyên					Kinh phí không tự chủ/Kinh phí thuốc xuyên					Tổng cộng																						
			Kinh phí tự chủ/Kinh phí thuốc xuyên					Kinh phí không tự chủ/Kinh phí thuốc xuyên																											
			Chi giảm dự dầu tấp, dý nghe	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Tổng cộng	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		Chi hoạt động văn hóa đảm an																					
	Tổng cộng	10.316,3	836,6	397,3	59,3	19,7	52,4	968,0	397,3	11,9	5,0	4,5	8,3	6,5	14,1	8,0	16,1	13,3	24,1	7,0	4,6	20,5	9,1	10,4	16,0	9,6	16,4	13,4	13,0	21,7	30,9	28,5	11,1	93,8,3	
	Miền Non		397,3						397,3																										
1	Miền non Tân Phú Trung 1		11,9						11,9																										
2	Miền non Tân Phú Trung 2		5,0						5,0																										
3	Miền non Tân Thông Hội 1		4,5						4,5																										
4	Miền non Tân Thông Hội 2		8,3						8,3																										
5	Miền non Tân Thông Hội 3		6,5						6,5																										
6	Miền non Tân Thông Hội 4		14,1						14,1																										
7	Miền non Tân Trào Củ Chi 1		8,0						8,0																										
8	Miền non Tân Trào Củ Chi 2		16,1						16,1																										
9	Miền non Tân Trào Củ Chi 3		13,3						13,3																										
10	Miền non Tân Mỹ		24,1						24,1																										
11	Miền non Trung Lập Hạ		7,0						7,0																										
12	Miền non Trung Lập Thượng		4,6						4,6																										
13	Miền non Nhị Hòa Dục		20,5						20,5																										
14	Miền non An Nhơn Tây		9,1						9,1																										
15	Miền non Phạm Văn Cội 1		10,4						10,4																										
16	Miền non Phạm Văn Cội 2		16,0						16,0																										
17	Miền non Phú Hòa Đông		9,6						9,6																										
18	Miền non Phước Vĩnh An		16,4						16,4																										
19	Miền non Tân Thới Đông		13,4						13,4																										
20	Miền non Trung An 1		13,0						13,0																										
21	Miền non Trung An 2		21,7						21,7																										
22	Miền non Hòa Phú		30,9						30,9																										
23	Miền non Bình Mỹ		28,5						28,5																										
24	Miền non Phước Thới		11,1						11,1																										

Chi tiêu theo lĩnh vực														
STT	Đơn vị	Tổng kinh phí hết năm 5% chi thuống huyện	Kinh phí tự chủ/Kinh phí thường xuyên					Kinh phí không tự chủ/Kinh phí không thường xuyên						
			Chi giáo dục - đào tạo, dạy nghề	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Tổng cộng	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi báo chí môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi hoạt động xã hội	Tổng cộng
25	Miền non Tân An Lợi 1	5,0	5,0	-	-	-	5,0	-	-	-	-	-	-	-
26	Miền non Tân An Lợi 2	14,2	14,2	-	-	-	14,2	-	-	-	-	-	-	-
27	Miền non An Phú	11,5	11,5	-	-	-	11,5	-	-	-	-	-	-	-
28	Miền non Hoàng Minh Đạo	4,5	4,5	-	-	-	4,5	-	-	-	-	-	-	-
29	Miền non Phước Hiệp	6,0	6,0	-	-	-	6,0	-	-	-	-	-	-	-
30	Miền non Tân Thành Tây	15,0	15,0	-	-	-	15,0	-	-	-	-	-	-	-
31	Miền non Tây Bắc	13,3	13,3	-	-	-	13,3	-	-	-	-	-	-	-
32	Miền non Nguyễn Thị Dàn	3,8	3,8	-	-	-	3,8	-	-	-	-	-	-	-
	Tổng học	236,9	236,9	-	-	-	236,9	-	-	-	-	-	-	-
1	TII Tân Thông Hội	4,2	4,2	-	-	-	4,2	-	-	-	-	-	-	-
2	TII Thị trấn Củ Chi	7,7	7,7	-	-	-	7,7	-	-	-	-	-	-	-
3	TII Thị trấn Củ Chi 2	4,4	4,4	-	-	-	4,4	-	-	-	-	-	-	-
4	TII Hòa Phú	8,0	8,0	-	-	-	8,0	-	-	-	-	-	-	-
5	TII Tân Tiến	7,2	7,2	-	-	-	7,2	-	-	-	-	-	-	-
6	TII An Phú 1	4,5	4,5	-	-	-	4,5	-	-	-	-	-	-	-
7	TII Phan Văn Khôi	7,8	7,8	-	-	-	7,8	-	-	-	-	-	-	-
8	TII Nguyễn Thị Ranh	5,4	5,4	-	-	-	5,4	-	-	-	-	-	-	-
9	TII Tân Phú	7,2	7,2	-	-	-	7,2	-	-	-	-	-	-	-
10	TII Tân Phú Trung	9,9	9,9	-	-	-	9,9	-	-	-	-	-	-	-
11	TII Lê Thị Phá	4,3	4,3	-	-	-	4,3	-	-	-	-	-	-	-
12	TII Nguyễn Văn Lành	4,8	4,8	-	-	-	4,8	-	-	-	-	-	-	-
13	TII Tân Thành	7,5	7,5	-	-	-	7,5	-	-	-	-	-	-	-
14	TII Tân Văn Châm	5,4	5,4	-	-	-	5,4	-	-	-	-	-	-	-
15	TII Phước Vĩnh An	4,1	4,1	-	-	-	4,1	-	-	-	-	-	-	-
16	TII Tân Thành Tây	6,5	6,5	-	-	-	6,5	-	-	-	-	-	-	-
17	TII Tân Thành Đông	7,2	7,2	-	-	-	7,2	-	-	-	-	-	-	-
18	TII Tân Thành Đông 2	7,4	7,4	-	-	-	7,4	-	-	-	-	-	-	-
19	TII Tân Thành Đông 3	6,0	6,0	-	-	-	6,0	-	-	-	-	-	-	-
20	TII Phú Hòa Đông 2	5,1	5,1	-	-	-	5,1	-	-	-	-	-	-	-
21	TII Phú Hòa Đông	7,5	7,5	-	-	-	7,5	-	-	-	-	-	-	-
22	TII Trung Lập Hg	4,8	4,8	-	-	-	4,8	-	-	-	-	-	-	-

CMR theo hình thức														
STT	Đơn vị	Tổng kinh phí mỗi năm 5% chi thuế xuất	Kinh phí tự chủ/kinh phí thuế xuất				Kinh phí không tự chủ/kinh phí không thuế xuất							
			CMR giáo dục - đào tạo, dạy nghề	CMR y tế, dân số và gia đình	CMR văn hóa thông tin	CMR hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Tổng cộng	CMR y tế, dân số và gia đình	CMR văn hóa thông tin	CMR bảo vệ môi trường	CMR các hoạt động kinh tế	CMR hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	CMR hương học và báo dân số học	Tổng cộng
23	TH An Ninh Đông	6,3	6,3	-	-	-	6,3	-	-	-	-	-	-	-
24	TH Văn Thể	7,3	7,3	-	-	-	7,3	-	-	-	-	-	-	-
25	TH Phạm Văn Cội	6,2	6,2	-	-	-	6,2	-	-	-	-	-	-	-
26	TH Trung Lập Thượng	3,9	3,9	-	-	-	3,9	-	-	-	-	-	-	-
27	TH Nhuan Đức	4,0	4,0	-	-	-	4,0	-	-	-	-	-	-	-
28	TH Nhuan Đức 2	3,3	3,3	-	-	-	3,3	-	-	-	-	-	-	-
29	TH An Ninh Tây	3,6	3,6	-	-	-	3,6	-	-	-	-	-	-	-
30	TH Phú Mỹ Hương	3,0	3,0	-	-	-	3,0	-	-	-	-	-	-	-
31	TH An Phú 2	4,3	4,3	-	-	-	4,3	-	-	-	-	-	-	-
32	TH An Phước	3,6	3,6	-	-	-	3,6	-	-	-	-	-	-	-
33	TH Tân Mỹ	8,1	8,1	-	-	-	8,1	-	-	-	-	-	-	-
34	TH Phước Hiệp	6,8	6,8	-	-	-	6,8	-	-	-	-	-	-	-
35	TH Bình Mỹ 1	4,2	4,2	-	-	-	4,2	-	-	-	-	-	-	-
36	TH Bình Mỹ 2	7,6	7,6	-	-	-	7,6	-	-	-	-	-	-	-
37	TH Phước Thuận	6,6	6,6	-	-	-	6,6	-	-	-	-	-	-	-
38	TH Trung An	7,5	7,5	-	-	-	7,5	-	-	-	-	-	-	-
39	TH Nguyễn Thị Lăng	6,4	6,4	-	-	-	6,4	-	-	-	-	-	-	-
40	TH Huỳnh Văn Cù	3,3	3,3	-	-	-	3,3	-	-	-	-	-	-	-
Trung tâm cơ sở		196,3	196,3	-	-	-	196,3	-	-	-	-	-	-	-
1	THCS Tân Phú Trung	5,0	5,0	-	-	-	5,0	-	-	-	-	-	-	-
2	THCS Tân Phú Trung	8,9	8,9	-	-	-	8,9	-	-	-	-	-	-	-
3	THCS Tân An Hòa	26,4	26,4	-	-	-	26,4	-	-	-	-	-	-	-
4	THCS Tân Thuận Tây	2,7	2,7	-	-	-	2,7	-	-	-	-	-	-	-
5	THCS Trung An	10,1	10,1	-	-	-	10,1	-	-	-	-	-	-	-
6	THCS Phước Thuận	4,3	4,3	-	-	-	4,3	-	-	-	-	-	-	-
7	THCS An Phú	2,3	2,3	-	-	-	2,3	-	-	-	-	-	-	-
8	THCS Phước Vĩnh An	5,0	5,0	-	-	-	5,0	-	-	-	-	-	-	-
9	THCS Tân Tiến	6,9	6,9	-	-	-	6,9	-	-	-	-	-	-	-
10	THCS Tân Tiến 2	8,1	8,1	-	-	-	8,1	-	-	-	-	-	-	-
11	THCS Phạm Văn Cội	3,2	3,2	-	-	-	3,2	-	-	-	-	-	-	-
12	THCS Nguyễn Văn Xơ	3,6	3,6	-	-	-	3,6	-	-	-	-	-	-	-

STT	Đơn vị	Tổng kinh phí tối thiểu 5% chi thường xuyên	Kinh phí tự thu/Kinh phí thường xuyên					Kinh phí không tự thu/Nhà phố không thường xuyên						
			Chi giáo dục - đào tạo, dạy nghề	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Tổng cộng	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động khác	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi hoạt động văn và báo đảng và hội	Tổng cộng
13	THCS Phú Hòa Đông	17,8	17,8	-	-	-	17,8	-	-	-	-	-	-	-
14	THCS Tân Thành Hội	20,5	20,5	-	-	-	20,5	-	-	-	-	-	-	-
15	THCS Nhuận Đức	1,2	1,2	-	-	-	1,2	-	-	-	-	-	-	-
16	THCS An Nhơn Tây	15,0	15,0	-	-	-	15,0	-	-	-	-	-	-	-
17	THCS Hòa Phú	10,5	10,5	-	-	-	10,5	-	-	-	-	-	-	-
18	THCS Tân Thạnh Đông	17,0	17,0	-	-	-	17,0	-	-	-	-	-	-	-
19	THCS Trung Lập	2,7	2,7	-	-	-	2,7	-	-	-	-	-	-	-
20	THCS Phú Hòa	5,0	5,0	-	-	-	5,0	-	-	-	-	-	-	-
21	THCS Phước Hiệp	4,5	4,5	-	-	-	4,5	-	-	-	-	-	-	-
22	THCS Trung Lập Hạ	2,5	2,5	-	-	-	2,5	-	-	-	-	-	-	-
23	THCS Phú Mỹ Hưng	5,3	5,3	-	-	-	5,3	-	-	-	-	-	-	-
24	THCS Tân Trung	7,8	7,8	-	-	-	7,8	-	-	-	-	-	-	-
	Khoảng đất GDP nhà nước khác	2,5	2,5	-	-	-	2,5	-	-	-	-	-	-	-
1	Trường Nuôi dạy Trẻ em Khuyết tật huyện	1,6	1,6	-	-	-	1,6	-	-	-	-	-	-	-
2	Tổng liên Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện	0,9	0,9	-	-	-	0,9	-	-	-	-	-	-	-
	- Địa phương	3,6	3,6	-	-	-	3,6	-	-	-	-	-	-	-
1	Trường Trung cấp nghề Củ Chi	3,6	3,6	-	-	-	3,6	-	-	-	-	-	-	-
	V.đ	149,2	-	-	-	-	59,2	90,0	-	-	-	-	-	90,0
1	Trung tâm V.đ	149,3	-	-	-	-	59,3	90,0	-	-	-	-	-	90,0
	Văn hóa thông tin	35,8	-	-	19,7	-	19,7	-	16,1	-	-	-	-	16,1
1	Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Tuyển chọn huyện	32,5	-	-	17,5	-	17,5	-	15,0	-	-	-	-	15,0
2	Nhà thiếu niên huyện	3,3	-	-	2,2	-	2,2	-	1,1	-	-	-	-	1,1
	Khoảng không gian	9.230,9	-	-	-	-	29,6	-	1.015,3	-	7.611,7	83,3	-	9.201,3
1	Văn phòng UBND và UBND huyện	2,3	-	-	-	-	0,3	0,3	-	-	-	2,0	-	2,0
2	Phòng Tư pháp huyện	17,2	-	-	-	-	5,4	5,4	-	-	-	11,8	-	11,8
3	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện	9,3	-	-	-	-	1,5	1,5	-	-	-	7,8	-	7,8
4	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	25,2	-	-	-	-	3,5	3,5	-	-	-	21,7	-	21,7

Chi tiết theo lĩnh vực														
STT	Đơn vị	Tổng kinh phí tối thiểu 5% chi thường xuyên	Kinh phí tự chủ/Kinh phí thường xuyên					Kinh phí không tự chủ/Kinh phí không thường xuyên						
			Chi giáo dục - đào tạo, dạy nghề	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Tổng cộng	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi hương học và bảo đảm xã hội	Tổng cộng
5	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện	10,9	-	-	-	1,4	1,4	-	-	-	-	9,5	-	9,5
6	Phòng Quản lý Đô thị huyện	4,8	-	-	-	2,4	2,4	-	-	-	-	2,4	-	2,4
7	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện	3,7	-	-	-	1,3	1,3	-	-	-	-	2,4	-	2,4
8	Đội Quản lý trật tự đô thị huyện	6,9	-	-	-	1,4	1,4	-	-	-	-	5,5	-	5,5
9	Phòng Kinh tế huyện	9,0	-	-	-	0,5	0,5	-	-	-	-	8,5	-	8,5
10	Phòng Y tế huyện	3,2	-	-	-	3,2	3,2	-	-	-	-	-	-	-
11	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện	13,4	-	-	-	4,8	4,8	-	-	-	-	8,6	-	8,6
12	Thanh tra huyện	4,3	-	-	-	1,6	1,6	-	-	-	-	2,7	-	2,7
13	Phòng Nội vụ huyện	2,7	-	-	-	2,3	2,3	-	-	-	-	0,4	-	0,4
14	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện	9 118,0	-	-	-	-	-	-	-	1 015,3	7 611,7	-	491	9 118,0
	Khoản thanh toán	43,7	-	-	-	22,8	22,8	-	-	-	-	40,9	-	40,9
1	Ủy ban Nhân dân Tô Quốc Việt Nam huyện	24,5	-	-	-	6,3	6,3	-	-	-	-	18,2	-	18,2
2	Đoàn TNCS HCM huyện	5,5	-	-	-	3,5	3,5	-	-	-	-	2,0	-	2,0
3	Liên hiệp phụ nữ huyện	7,3	-	-	-	3,9	3,9	-	-	-	-	3,4	-	3,4
4	Liên minh dân Việt Nam huyện	12,7	-	-	-	5,3	5,3	-	-	-	-	7,4	-	7,4
5	Liên Cựu chiến binh Việt Nam huyện	6,9	-	-	-	3,8	3,8	-	-	-	-	3,1	-	3,1
6	Liên Chiết thập đạo huyện	6,8	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6,8	-	6,8

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CÚ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục II

KINH PHÍ CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM TỪ NGUỒN THU SỰ NGHIỆP, THU KHÁC
ĐƯỢC ĐỂ LẠI THEO QUY ĐỊNH NĂM 2024 CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Kèm theo Quyết định số 10686 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	KP tiết kiệm 5% từ nguồn thu sự nghiệp, thu khác được để lại theo quy định
	Tổng cộng	451
I	Y tế	37
1	Trung tâm Y tế	37
II	SN khác	415
1	Ban Quản lý chợ	1
2	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện	249
3	Ban Bồi thường - Giải phóng mặt bằng huyện	65
4	Đội Quản lý Bến xe Củ Chi	100

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

